Họ tên	Bộ phận	1	4	5	6	7	8	12	13	14	15	18	19	20	21	22	25	26	27	28	29	Tổng
KHA THỊ HẢI	KHOA DƯỢC	7.67			7.67	7.82	7.67		7.67	7.65	7.45	7.87	8.07	7.82	7.87	8.1	8.3	7.85	7.9	7.82	7.73	**17**
KHOA DƯỢC Count	1																					
HOÀNG VĂN TRUNG	TCHC	8.17	8.93	8.63	8.17	9.12	8.53	8.23	8.08	4.05		8.3	8.63			5.8	9.38	3.47		9.12	3.77	**16**
PHÙNG DUY ĐỨC	TCHC							4.17				8.07	5.18	2.48		8.65			5.58	8.22	3.77	**8**
KHA VĂN HÀ	TCHC						5.98					5.38	4.17		5.25	4.32		5.8		3.6		**7**
VI VĂN THÌN	TCHC	7.82	2.25	6.95	7.85	8.15	5.52	6.17		7.63	7.78	7.87	8.25	7.82	7.85	5.53		5.37	6.78	8.02		**17**
LÔ VĂN TUẤN	TCHC	7.68			7.67		3.48	4.22	3.62	4.38			5.5	5.27		4	7.65	2.35	7.38		3.75	**13**
LƯƠNG VĂN AI	TCHC	4.25	8.25	8.13	7.83	5.73	3.65		7.17	8.72	6.73	8.58	8.75	8.35	8.87	8.43	2.47	8.32	9.27			**17**
LỮ VĂN TÒA	TCHC	9.1	8.62	8.23	8.35		8.85	8.8	9.03	8.28		8.6	9.37	9.42	8.6	5.7		5.73	9.02	8.58	8.82	**17**
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH Count	8																					
HÀ NGỌC ANH	KSBT																					**0**
VỪ BÁ TỐNG	KSBT		9.17	8.93							7.73	5.07	9.13	5.13		3.6		9.13	8.73	9.15	5.3	**11**
CỤT VĂN PHON	KSBT	4.63	8.07	5.23						3.35	8.57	8.8	8.37	8.52	5.15		9.37	8.93		8.57	8.75	**13**
VI VĂN KHOA	KSBT	8.02	8.67	8.55	8.5	8.15	8.27	7.43	2.72			8.35	8.22	8.3	8.7	8.3	8.85	8.57	8.43	8.63	8.48	**18**
PHẠM ĐỨC HÒA	KSBT	7.9	8.07	8.15	7.85	7.97	8.13	7.82	7.85	8.15	7.82	7.92	8	7.98	7.82	7.95	5.62					**16**
NGUYỄN VĂN TUẤN	KSBT	7.95	8.22	8.12			8.17	8.42	7.28	8.57	8.4	5.13	8.4	7.95	8.5	8.08		2.9	8.35	7.88	7.75	**17**
GIÀ BÁ SÔ	KSBT																					**0**
KHOA KSBT- HIV/AIDS Count	7																					
NGUYỄN VĂN HIẾU	ATTP	8.78	8.08	8.65		8.4	3.95	8.02	4.52	8.77	8.8	8.85	9.03	9.05	8.88	8.55	9	8.95	8.98	9.02	3.93	**19**
VI THỊ NGÂN	ATTP		8.17	7.95	6.37		7.73	8.13	8.08			7.62	8.03	7.88	8.25	5.08				8.95	3.58	**13**
LÔ XUÂN QUANG	ATTP	8.43	8.37	8.52			8.52	4.12	8.38	3.03		8.15	8.8	8.77	8.73	4.47		2.98	8.77	5.32	7.85	**16**
LÊ CÔNG CHÂU	ATTP	8.38	8.95	4.6	9.83	8.6	8.75	10	4.68	8.7		8.98	4.5	4.85	5.25	4.87					2.07	**15**
MOONG THỊ NHÂN	ATTP	7.88	7.9	7.73	7.68	5.52	3.73	7.65	7.58	5.47	7.48	7.78	7.78	7.58	7.63	7.65	7.63	7.6	7.62	7.98	7.93	**20**
VI THỊ MY LA	ATTP	8	8.07	8.72	7.98	7.8	7.83	7.97	8.13	8.73	7.63	8.68	8.85	8.3	8.77	9.07	1.03	9.03	8.78	8.9	8.07	**20**
LÔ THỊ HẰNG	ATTP	8.5										7.93	8.15	8.47	8.2	7.88	8.53				8.07	**8**
KHOA ATTP - YTCC&DD Count	7																					
MÙA XIA LỮ	DÂN SỐ	7.8	8.12	7.97	7.9		7.98	7.82	7.93	8.12	5.53	8.2	8.37	8.17	8.43	5.6	8.65	3.95		8.35		**17**
TRẦN THỊ KHÁNH	DÂN SỐ	8.2	8.32	7.95	7.67		7.95	7.97	7.83	8.12	8.08	8.1	8.33	8.18	8.32	8.27	8.03					**15**
TRẦN THỊ TUYẾT	DÂN SỐ	8.18	8.18	7.87	7.85	7.7	8	8.23	7.7	7.68	8.35		8.4	8.47	8.38	7.95	8.7	8.18	8.42	8.15	8.4	**19**
LA THỊ OANH	DÂN SỐ	8	8.5	8	7.93	8.47	8.08	7.95	8.15	8.18	8.1	8.07	8.23	8.15	8.47	8.38	8.53			5.08	7.2	**18**
PHÒNG DÂN SỐ Count	5																					